

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUẬT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 280/2022/HSST

Ngày 29/9/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT- TỈNH ĐẮK LẮK**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Diễm Hương;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Cẩm;
2. Ông Trương Vĩnh Mai;

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Tuấn- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk;

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Lê Viết Bình- Kiểm sát viên;

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 265/2022/HSST, ngày 16 tháng 9 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2022/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRƯƠNG XUÂN V**; Sinh ngày 12 tháng 5 năm 1998; Tại: Tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Trương Văn P và bà Nguyễn Thị M; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 18/5/2022 đến nay, có mặt tại phiên tòa;

**Người bị hại:** Anh Chu Anh D- Sinh năm 1994 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Đặng Thị H, sinh năm 1968 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

2. Ông Trương Văn P, sinh năm 1973 (Có mặt);

Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk;

**Người làm chứng:** Anh Nguyễn Long N, sinh năm 1999 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Xuân V từng làm nhân viên môi giới bất động sản, đến tháng 10/2021 V nghỉ không làm môi giới bất động sản nữa. Sau đó, V làm ăn thua lỗ và nợ số tiền là 50.000.000 đồng nên đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa chiếm đoạt tài sản của người khác.

Ngày 20/2/2022 Trương Xuân V dùng điện thoại iphone 8, màu trắng lên mạng xã hội Facebook tìm người nhận làm giấy tờ giả và kết bạn Zalo với Trần Văn L (chưa rõ nhân thân lai lịch), có số điện thoại là XXX. V thuê L làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất, mang tên Trương Xuân V thì L đồng ý với số tiền là 4.500.000 đồng, sau 10 ngày làm xong rồi gửi đường bưu điện về cho V. Sau đó, V nhắn tin cho L để gửi thông tin cá nhân và thông tin thửa đất số XXX, tờ bản đồ số XXX tại xã C, thành phố B (V không biết chủ sở hữu thửa đất là ai). Đến ngày 07/3/2022, V nhận được giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất giả, mang tên Trương Xuân V rồi thanh toán số tiền 4.500.000 đồng cho L thông qua nhân viên giao hàng chuyển phát nhanh (chưa rõ nhân thân, lai lịch). Sau khi có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, V lên mạng xã hội Facebook tìm người nhận cầm cố tài sản để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sau khi biết anh Chu Anh D có nhận cầm cố sổ đỏ cho vay tiền. V liên lạc với anh D qua số điện thoại XXX, muốn cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của V để vay số tiền 200.000.000 đồng thì anh D không đồng ý mà thỏa thuận mua căn nhà của V với số tiền 700.000.000 đồng thì V đồng ý. Đến ngày 11/3/2022, anh D nhờ anh Nguyễn Long N (là bạn anh D) đi với V để giúp anh D xem nhà mà V muốn bán. Sau đó anh D kiểm tra thông tin trên giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Trương Xuân V trùng khớp với vị trí căn nhà mà V dẫn đến xem nên anh D tin tưởng giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên Trương Xuân V là thật và V là chủ sở hữu căn nhà. Đến ngày 12/3/2022 V và anh D thỏa thuận đặt cọc số tiền 200.000.000 đồng thì anh D đồng ý. Anh D chuyển khoản trước cho V số tiền 50.000.000 đồng qua số tài khoản ngân hàng ACB số XXX, sau khi làm công chứng hợp đồng đặt cọc xong sẽ đưa cho V số tiền 150.000.000 đồng còn lại thì V đồng ý. Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 14/3/2022, V cùng anh D và anh N đến Văn phòng Công chứng Đ, địa chỉ: đường N, phường T, thành phố B để làm hợp đồng công chứng đặt cọc. Tại đây, V đã giao cho anh D 01 bản chính sổ hộ khẩu của Trương Xuân V, chủ hộ Trương Văn P (là cha của Trương Xuân V), 02 bản chính giấy xác nhận tình trạng độc thân; 01 bản chính căn cước công dân số XXX, mang tên Trương Xuân V. Tại phòng công chứng Đ, công chứng viên cho biết sổ đỏ mà anh D muốn công chứng là sổ giả. Sau đó V và anh D đến văn phòng công chứng Đỗ Xuân B, địa chỉ đường L, phường T, thành phố B, để công chứng hợp đồng đặt cọc thì công chứng viên cho biết sổ đỏ mà anh D muốn công chứng là sổ giả. Lúc này anh D yêu cầu V trả lại số tiền

400.000.000 đồng (gấp đôi số tiền 200.000.000 đồng ghi trong hợp đồng đặt cọc). Sau đó V cùng anh D và anh N đi đến quán cà phê trên đường L, thành phố B ngồi đợi V liên hệ với người nhà giúp V trả tiền. Tại đây V không liên hệ với người nhà, khi thấy anh D không chú ý nên đã giằng lấy tập hồ sơ trong đó có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên Trương Xuân V để tiêu hủy thì bị anh D, anh N và người dân giữ lại. Sau đó anh D đã làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột xử lý.

Cơ quan điều tra tạm giữ các tang vật chứng của vụ án để phục vụ công tác điều tra: Số tiền 10.000.000 đồng; 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 963539, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/4/2021, mang tên Trương Xuân V, năm sinh 1998, địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk, đối với thửa đất số XXX, tờ bản đồ số XXX, địa chỉ xã C, TP B, tỉnh Đắk Lắk; 01 bản chính hợp đồng đặt cọc có chữ ký của Trương Xuân V (Bên bán) và Chu Anh D (bên mua); 01 điện thoại di động Iphone 8, màu trắng, 64Gb, của Trương Xuân V; 01 bản chính sổ hộ khẩu của Trương Xuân V, chủ hộ Trương Văn P; 02 bản chính giấy xác nhận tình trạng độc thân do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B cấp cho Trương Xuân V và 01 bản chính căn cước công dân số XXX, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021 cho Trương Xuân V.

Tại bản kết luận giám định số 367 ngày 22/4/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 963539, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/4/2021, cấp cho người sử dụng là Trương Xuân V, là giả;

Tại bản Kết luận giám định số 750 ngày 12/8/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- Không đủ cơ sở kết luận Sổ hộ khẩu, số XXX, chủ hộ Trương Văn P (kí hiệu A1), 02 (hai) giấy xác nhận tình trạng hôn nhân mang tên Trương Xuân V (kí hiệu A2) là thật hay giả do không có mẫu so sánh;

- Chữ ký, chữ viết mang tên Trương Xuân V dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN A” trên tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết mang tên Trương Xuân V trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M3, M4, do cùng một người ký và viết ra;

- Chữ ký, chữ viết mang tên Chu Anh D dưới mục “ĐẠI DIỆN BÊN B” trên các tài liệu cần giám định kí hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết mang tên Chu Anh D trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2 do cùng một người ký và viết ra;

- Căn cước công dân số XXX mang tên Trương Xuân V, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021 (kí hiệu A4) là thật;

Tại bản cáo trạng số: 280/CT- VKS- HS, ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Trương Xuân V về tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ

chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 341 và tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

Kết quả xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo Trương Xuân V khai nhận hành vi bị cáo đã thực hiện đúng như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và đúng như nội dung Bản cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã truy tố;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Xuân V từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù;

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Xuân V từ 15 (Mười lăm) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành từ 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng đến 04 (Bốn) năm tù;

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Đối với số tiền 50.000.000 đồng là tài sản Trương Xuân V đã chiếm đoạt của anh Chu Anh D; quá trình điều tra V đã bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho anh D. Ngày 19/3/2022 anh D đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho V;

Đối với tiền 10.000.000 đồng là số tiền Trương Xuân V chiếm đoạt được của anh Chu Anh D; V đã bồi thường cho anh Chu Anh D số tiền 50.000.000 đồng, anh D không yêu cầu bồi thường gì thêm nên cần trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho Trương Xuân V nhận quản lý, sử dụng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 8, màu trắng, 64Gb, là tài sản của Trương Xuân V sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội; do vậy cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước;

Đối với 01 sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ là ông Trương Văn Phong; ông P không biết Trương Xuân V sử dụng sổ hộ khẩu vào việc phạm tội nên cần trả lại cho ông P;

Đối với 01 căn cước công dân số XXX mang tên Trương Xuân V, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021 là giấy tờ tùy thân của bị cáo; do đó cần trả cho bị cáo;

Đối với 02 giấy chứng nhận độc thân do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho Trương Xuân V, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy;

Quá trình điều tra xác định: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CV 963539, do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 21/4/2021, cấp cho người sử dụng là Trương Xuân V là giả nên tiếp tục tạm giữ chuyển theo hồ sơ vụ án để đảm bảo công tác xét xử.

Bị cáo Trương Xuân V không bào chữa, không tranh luận gì đối với quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến và khiếu nại gì về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng;

[2] Về hành vi của bị cáo, xét thấy: Do ý thức coi thường pháp luật nên ngày 20/2/2022, Trương Xuân V đã có hành vi sử dụng điện thoại iphone 8, màu trắng lên mạng xã hội Facebook thuê đối tượng Trần Văn L (chưa rõ nhân thân lai lịch) làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất, mang tên Trương Xuân V. Sau đó Trương Xuân V sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Chu Anh D số tiền 50.000.000 đồng thì bị xử lý.

Như vậy hành vi bị cáo Trương Xuân V thực hiện đã phạm vào tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 341 và khoản 2 Điều 174 của Bộ luật Hình sự;

### **Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm;*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;*

*c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng”*

### **Điều 341 Bộ luật Hình sự quy định:**

*“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.*

*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:*

*d) Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng”;*

Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trật tự quản lý hành chính, sự hoạt động đúng đắn, bình thường và uy tín của cơ quan Nhà nước trong quản lý hành chính; mà hành vi của bị cáo còn trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người bị hại, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an của xã hội. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bất chấp hậu quả nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm; do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra, và cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội;

Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số do đó khả năng nhận thức pháp luật của bị cáo có phần hạn chế; sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho người bị hại, được người bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo có thời gian phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam; do đó cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Đối với tài khoản Trần Văn L (chưa rõ nhân thân lai lịch) có số điện thoại là XXX; Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột chưa làm việc được nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau;

Đối với số điện thoại XXX Trương Xuân V liên lạc đặt làm giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CV 963539, mang tên Trương Xuân V. Quá trình điều tra xác định: Số điện thoại XXX chủ thuê bao là bà Lê Thị B, sinh năm: 1965, trú tại: Xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 29/7/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố có công văn gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa có kết quả trả lời nên tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh làm rõ, xử lý sau;

Đối với nhân viên giao hàng nhanh (là người giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho Trương Xuân V); Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành

phố Buôn Ma Thuột chưa xác minh được nhân thân lai lịch nên tách ra để xác minh, xử lý sau;

Đối với thửa đất số XXX, tờ bản đồ số XXX, địa chỉ xã C, thành phố B, diện tích 100m<sup>2</sup>. Quá trình điều tra xác định: Là do bà Đặng Thị H đứng tên chủ sở hữu. Bà H không quen biết với Trương Xuân V, không biết V làm giả giấy chứng nhận thửa đất bà Hoàng chủ sở hữu; do vậy Cơ quan điều tra không thu giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H và không đề cập xử lý;

*[3] Về trách nhiệm dân sự:*

Bị cáo Trương Xuân V đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 50.000.000 đồng cho người bị hại anh Chu Anh D; anh D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và có đơn bãi nại, đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo và người bị hại và không trái pháp luật cần chấp nhận;

*[4] Về xử lý vật chứng:*

Đối với 01 sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ là ông Trương Văn P; ông P không biết Trương Xuân V sử dụng sổ hộ khẩu vào việc phạm tội nên cần trả lại cho ông Trương Văn P;

Đối với 01 căn cước công dân số XXX mang tên Trương Xuân V, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021 là giấy tờ tùy thân của bị cáo; do đó cần trả cho bị cáo;

Đối với 02 giấy chứng nhận độc thân do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho Trương Xuân V, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy;

Đối với tiền 10.000.000 đồng là số tiền Trương Xuân V chiếm đoạt được của anh Chu Anh D; Vũ đã bồi thường cho anh Chu Anh D số tiền 50.000.000 đồng, anh D không yêu cầu bồi thường gì thêm nên cần trả lại số tiền 10.000.000 đồng cho Trương Xuân V nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

Đối với chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 8, màu trắng, 64Gb, là tài sản của Trương Xuân V sử dụng làm phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội; do vậy cần tịch thu, sung ngân sách Nhà nước;

*(Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/9/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B;*

**[5] Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trương Xuân V phạm tội: “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt bị cáo Trương Xuân V 02 (Hai) năm tù;

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo Trương Xuân V phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Xử phạt bị cáo Trương Xuân V 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù;

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội buộc bị cáo phải chấp hành là 03 (Ba) năm 03 (Ba) tháng tù;

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án;

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận việc bị cáo Trương Xuân V tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*) cho người bị hại Chu Anh D; anh D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác và có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

**Về xử lý vật chứng:** Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên trả 01 sổ hộ khẩu gia đình đứng tên chủ hộ là ông Trương Văn P cho ông Trương Văn P;

Tuyên trả 01 căn cước công dân số XXX mang tên Trương Xuân V, do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 27/12/2021, cho bị cáo Trương Xuân V;

Tịch thu, tiêu hủy 02 giấy chứng nhận độc thân do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk cấp cho Trương Xuân V;

Tuyên trả cho bị cáo Trương Xuân V số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo công tác thi hành án;

Tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động kiểu dáng Iphone 8, màu trắng, 64Gb của bị cáo Trương Xuân V;

(*Đặc điểm, số lượng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/9/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột và Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố B*);

**\* Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trương Xuân V phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm;



Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Vụ GDKT1- TAND Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. Buôn Ma Thuột;
- Công an TP. Buôn Ma Thuột;
- Thị hành án dân sự TP. B;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Đỗ Thị Diễm Hương**